

BẢNG THANH TOÁN TIỀN CHĂM SÓC BN HIV

Tháng 10 năm 2016

S T/T	Họ và tên	Mức quy định đã hưởng theo khoa							Mức quy định hưởng chăm sóc BN HIV							Số tiền thực lĩnh	Ghi chú	Khoa phòng
		Lươn g	Chứ c vụ	Tổng hệ số	Mức đang hưởng	Số tiền/ngày	Số ngày thực tế	Thành tiền	Lươn g	Chức vụ	Tổng hệ số	Mức hưởng 70%	Số tiền/ngày	Số ngày thực tế	Thành tiền			
A	B	3	4	5=3+4	6=5x40%	7=6x1.300. 000/31	8	9=8x7	10	11	12=10+11	13=12x70%	14=13 x 1.300.000/31	15	16=15x14	17=16-9	18	19
1	Nguyễn Thị Thập	3,26		3,26	1,30	50.898	1	50.898	3,26	-	3,26	2,282	89.072	1	89.072	38.174		Khoa Sản
2	Đặng Thị Ngân	3,66		3,66	1,46	57.143	1	57.143	3,66	-	3,66	2,562	100.001	1	100.001	42.857		Khoa Sản
3	Lâm T Kim Ngân	4,65		4,65	1,86	72.600	1	72.600	4,65	-	4,65	3,255	127.050	1	127.050	54.450		Khoa Sản
4	Sin Thị Huyền	3,99		3,99	1,60	62.295	2	124.591	3,99	-	3,99	2,793	109.017	2	218.034	93.443		Khoa Sản
5	Vi Thị Vân	2,37		2,37	0,95	37.003	3	111.008	2,37	-	2,37	1,659	64.755	3	194.264	83.256		Khoa Sản
6	Hà Thị Kim Diễm	2,34		2,34	0,94	36.534	1	36.534	2,34	-	2,34	1,638	63.935	1	63.935	27.401		Khoa Sản
	Cộng						9	452.774						9	792.355	339.581		

Tổng số tiền bằng chữ: Ba trăm ba mươi chín nghìn năm trăm tám mươi một đồng chẵn.

Hà Giang, ngày 17 tháng 11 năm 2017

Lập biểu

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn T Thu Linh

Đỗ Thị Kim Thanh